

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **827/2025/HNGĐ-ST**
Ngày: 30/9/2025
V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đinh Thị Hồng Hạnh
2. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hạnh

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Mai Lệ, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh: bà Từ Ngọc Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 522/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 753/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 632/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* bà Châu Thục N, sinh ngày 12/5/19xx; CCCD số 079194025xxx; Địa chỉ: 349/xx T, phường A, Thành phố H (địa chỉ cũ: 349/xx T, phường A, quận B1, Thành phố H – vắng mặt).

2. *Bị đơn:* ông Trương Hoàng Minh C, sinh ngày 14/01/19xx; CMND số 024712xxx cấp ngày 07/01/2015 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ: 7x Đường số 1x, phường B, Thành phố H (địa chỉ cũ: 7x Đường số 1x, phường B, quận B1, Thành phố H – vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn - bà Châu Thục N, trình bày:

Bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C tự nguyện đăng ký kết hôn và chung sống với nhau từ năm 2020 (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 366, đăng ký ngày 03/12/2020 tại UBND phường Bình Hưng Hòa A, Thành phố Hồ Chí Minh – nay thuộc phường Bình Hưng Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh).

Trong quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do ông Trương Hoàng Minh C không có trách nhiệm, không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc. Bà Châu Thục N đã nhiều lần khuyên ngăn và trả nợ thay nhưng ông Trương Hoàng Minh C vẫn không thay đổi nên bà Châu Thục N đã đưa con ra ngoài sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay.

Nay bà Châu Thục N nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Châu Thục N yêu cầu được ly hôn ông Trương Hoàng Minh C.

- Về con chung, người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên sau ly hôn:

Bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C có 01 (một) con chung tên Trương Minh C, sinh ngày 03/11/20xx.

Bà Châu Thục N yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Trương Minh C, sinh ngày 03/11/2021.

Bà Châu Thục N không yêu cầu ông Trương Hoàng Minh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: bà Châu Thục N tự khai không có.

Bị đơn là ông Trương Hoàng Minh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn chứng tỏ hôn nhân không hạnh phúc. Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về ly hôn của bà Châu Thục N.

Về con chung: bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C có 01 (một) con chung tên Trương Minh C, sinh ngày 03/11/2021; bà Châu Thục N yêu cầu được trực tiếp nuôi con; ông Trương Hoàng Minh C không ý kiến nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Châu Thục N.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà Châu Thục N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: bà Châu Thục N tự khai không có nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Xét đơn xin ly hôn của bà Châu Thục N, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn

nhân và gia đình về việc “Ly hôn”; bị đơn – ông Trương Hoàng Minh C có nơi cư trú tại số 7x Đường số 1x, phường B, Thành phố H (địa chỉ cũ: 7x Đường số 1x, phường B, quận B1, Thành phố H). Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; bị đơn mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] *Về nội dung*:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Xét đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn, thấy rằng quan hệ hôn nhân giữa bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông Trương Hoàng Minh C sống không có trách nhiệm, không lo làm ăn, thường xuyên ăn chơi, cờ bạc dẫn đến nợ nần.

Mặt khác, từ khi thụ lý đơn xin ly hôn của bà Châu Thục N, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để ông Trương Hoàng Minh C thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng ông Trương Hoàng Minh C vắng mặt, điều đó thể hiện ông Trương Hoàng Minh C không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân, cũng như không thực hiện quyền phản đối, bác bỏ yêu cầu và ý kiến trình bày của bà Châu Thục N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp thuận yêu cầu ly hôn của bà Châu Thục N.

[3.2] *Về con chung*: bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C có 01 (một) con chung tên Trương Minh C, sinh ngày 03/11/2021.

Xét bà Châu Thục N có yêu cầu được trực tiếp nuôi con; ông Trương Hoàng Minh C mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến và trách nhiệm nuôi dưỡng con chung nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con của bà Châu Thục N được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: bà Châu Thục N không yêu cầu cấp dưỡng nên không xét.

[3. 4] *Về tài sản chung, nợ chung*: bà Châu Thục N tự khai không có; ông Trương Hoàng Minh C không có ý kiến nên không xét.

[4] *Về án phí*: bà Châu Thục N chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91; khoản 2 Điều 92; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

- Căn cứ các điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Châu Thục N đối với ông Trương Hoàng Minh C.

- *Về quan hệ hôn nhân*: bà Châu Thục N được ly hôn ông Trương Hoàng Minh C (Giấy chứng nhận kết hôn số 366, đăng ký ngày 03/12/2020 tại UBND phường Bình Hưng Hòa A, quận Bình Tân, (nay thuộc phường Bình Hưng Hòa) Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Châu Thục N và ông Trương Hoàng Minh C không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung*: giao trẻ Trương Minh C, sinh ngày 03/11/2021 cho bà Châu Thục N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: ông Trương Hoàng Minh C không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: bà Châu Thục N tự khai không có; ông Trương Hoàng Minh C không có ý kiến nên không xét.

2. Về án phí: bà Châu Thục N phải chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0077271, ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

Bà Châu Thục N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên